

Phụ lục 1
KHUNG NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
BÁC SỸ Y KHOA (12 THÁNG)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-YTCL ngày tháng 7 năm 2024)

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	THỜI GIAN THỰC HÀNH	ĐƠN VỊ HƯỚNG DẪN
CHUYÊN KHOA NỘI TRONG ĐÓ CÓ HSCC			
1	Xử trí tăng áp lực nội sọ	5 tháng	Khoa CC-HSTC - CD Khoa Nội YHCT&PHCN
2	Điện tim thường		
3	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp		
4	Nghiệm pháp dây thắt		
5	Cầm máu (vết thương chảy máu), cố định gãy xương (kín, hở), Sơ cứu Bỏng		
6	Xử trí hạ huyết áp tư thế		
7	Cấp cứu cao huyết áp		
8	Cấp cứu ngừng tim		
9	Cấp cứu tụt huyết áp		
10	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm		
11	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu		
12	Ép tim ngoài lồng ngực		
13	Ghi điện tim cấp cứu tại giường		
14	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp		
15	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy		
16	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm		
17	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ		
18	Đặt Nội khí quản		
19	Thông khí nhân tạo xâm nhập		
20	Chăm sóc ống nội khí quản		
21	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi		
22	Chọc dò dịch màng phổi		
23	Xử trí các loại ngộ độc thường gặp		
24	Rửa dạ dày cấp cứu		

CHUYÊN KHOA NGOẠI			
1	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm	02 tháng	Khoa Ngoại tổng hợp
2	Khâu vết thương phần mềm		
3	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản		
4	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt		
5	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn		
6	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng		
7	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu		
8	Nắn sai khớp thái dương hàm		
9	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm		
10	Chích áp xe phần mềm lớn		
11	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ		
12	Phẫu thuật viêm tấy phần mềm ở cơ quan vận động		
13	Tháo bột các loại		
14	Nẹp bột các loại, không nắn		
15	Cắt u bao gân		
16	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)		
CHUYÊN KHOA SẢN			
1	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm	02 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản
2	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa		
3	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm		
4	Cắt và khâu tầng sinh môn		
5	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ		
6	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau		
7	Kiểm soát tử cung		
8	Khám thai		
9	Khám sơ sinh		
10	Chăm sóc rốn sơ sinh		
11	Bóc rau nhân tạo		
CHUYÊN KHOA NHI			

1	Nghiệm pháp dây thắt	02 tháng	Khoa Nhi
2	Thổi ngạt		
3	Khám sơ sinh		
4	Chăm sóc rốn sơ sinh		
5	Tiêm bắp thịt		
6	Tiêm dưới da		
7	Tiêm trong da		
8	Tiêm truyền thuốc		
9	Truyền dịch thường quy		
10	Truyền dịch trong sóc		
CHUYÊN KHOA MẮT, TMH, RHM			
1	Đo thị lực	01 tháng	Khoa Khám bệnh
2	Khám mắt		
3	Lấy dị vật kết mạc		
4	Rạch áp xe mi		
5	Thử kính		
6	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt		
7	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản		
8	Lấy dị vật tai		
9	Chích áp xe lợi		
10	Điều trị viêm lợi do mọc răng		
11	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp		
12	Điều trị viêm lợi trẻ em		
13	Điều trị viêm quanh thân răng cấp		
14	Nhổ răng sữa		
TẬP HUẤN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT			
1	Luật khám chữa bệnh	20 tiết (Trong thời gian thực hành 12 tháng)	Các phòng chức năng có liên quan
2	Quy chế chuyên môn		
3	Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ Y tế Quy định về Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế		
4	Các văn bản pháp luật khác		

Phụ lục 2
KHUNG NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
Y SỸ ĐA KHOA (09 THÁNG)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-YTCL ngày tháng 7 năm 2024)

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	THỜI GIAN THỰC HÀNH	ĐƠN VỊ HƯỚNG DẪN
CHUYÊN KHOA NỘI TRONG ĐÓ CÓ HỒI SỨC CẤP CỨU			
1	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	4,5 tháng	Khoa CC-HSTC-CD Khoa Nội YHCT&PHCN
2	Xử trí hạ huyết áp tư thế		
3	Cầm máu (vết thương chảy máu)		
4	Cấp cứu tụt huyết áp		
5	Ép tim ngoài lồng ngực		
6	Ghi điện tim cấp cứu tại giường		
7	Theo dõi SpO2 liên tục tại giường		
8	Hồi sức chống sốc < 8 giờ		
9	Chăm sóc ống nội khí quản		
10	Sơ cứu bong		
11	Cấp cứu ngừng thở		
12	Đặt ống thông dạ dày		
13	Rửa dạ dày cấp cứu		
14	Rửa bàng quang		
15	Thông bàng quang		
16	Thông tiểu		
CHUYÊN KHOA NGOẠI			
1	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	1,5 tháng	Khoa Ngoại TH
2	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt		
3	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy		

	xương sườn		
4	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương		
5	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng		
6	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm		
7	Nắn, bó bột gãy xương đòn		
8	Chích áp xe phần mềm lớn		
9	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt		
10	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ		
CHUYÊN KHOA SẮN			
1	Nghiệm pháp lọt ngói chỏm	1,5 tháng	Khoa CSSKSS
2	Đỡ đỡ thường ngói chỏm		
3	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ		
4	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau		
5	Khám thai		
6	Bóc rau nhân tạo		
CHUYÊN KHOA NHI			
1	Thổi ngạt	1,5 tháng	Khoa Nhi
2	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ		
3	Đặt sonde hậu môn		
4	Thụt tháo phân		
5	Tiêm truyền thuốc		
6	Thông tiểu		
7	Thở oxy gọng kính		
TẬP HUẤN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT			
1	Luật khám chữa bệnh		
2	Quy chế chuyên môn		

3	Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ Y tế Quy định về Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế	20 tiết (Trong thời gian thực hành 12 tháng)	Các phòng chức năng có liên quan
4	Các văn bản pháp luật khác		

Phụ lục 3
KHUNG NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
Y SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN (09 THÁNG)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-YTCL ngày tháng 7 năm 2024)

- Thời gian thực hành 09 tháng, trong đó:
- 06 tháng tại khoa Nội TH - YHCT&PHCN
 - 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực

Số TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	CHUYÊN MÔN VỀ KCB HỒI SỨC CẤP CỨU
1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ
2	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường ≤ 8 giờ
3	Điện tim thường
4	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
5	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường
6	Ép tim ngoài lồng ngực
7	Đặt ống thông dạ dày
8	Rửa dạ dày cấp cứu
9	Thụt tháo
10	Thụt giữ
11	Xử trí các cố định gãy xương, dị vật mắt,...
II	CHUYÊN MÔN VỀ KCB Y HỌC CỔ TRUYỀN
1	Điện châm điều trị đau hồ mắt
2	Điện châm điều trị viêm kết mạc
3	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
4	Điện châm điều trị viêm mũi xoang
5	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa

Số TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
6	Điện châm điều trị đau răng
7	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp
8	Điện châm điều trị ù tai
9	Điện châm điều trị giảm khứu giác
10	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh
11	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật
12	Điện châm điều trị giảm đau do zona
13	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh
14	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt
15	Điện châm điều trị liệt VII ngoại biên
16	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu
17	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn
18	Điện châm điều trị đau dây V
19	Điện châm điều trị đau lưng
20	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa
21	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật
22	Điện châm điều trị giảm thính giác
23	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy
24	Điện châm điều trị liệt chi dưới
25	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ
26	Điện châm điều trị liệt nửa người sau đột quỵ
27	Điện châm điều trị mất ngủ
28	Điện châm điều trị nấc

Số TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
29	Điện châm điều trị nói ngọng, nói lắp
30	Điện châm điều trị viêm dạ dày tá tràng
31	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp
32	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai
33	Điện châm điều trị parkinson
34	Điện châm điều trị hội chứng cánh tay cổ
35	Điện châm điều trị bệnh đĩa đệm
36	Điện châm điều trị thoái hóa cột sống
37	Điện châm điều trị rối loạn giấc ngủ
38	Điện châm điều trị loạn trương lực cơ
39	Điện châm điều trị viêm cột sống dính khớp
40	Điện châm điều trị hội chứng ruột kích thích
41	Điện châm điều trị bệnh thần kinh ngoại vi
42	Điện châm điều trị bệnh dây thần kinh mặt
43	Điện châm điều trị đau thần kinh
44	Điện châm điều trị liệt tứ chi
45	Điện châm điều trị chậm phát triển tâm thần và vận động
46	Điện châm điều trị liệt các dây thần kinh sọ não
47	Điện châm điều trị di chứng viêm não
48	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên
49	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới
50	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
51	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông

Số TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
52	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên
53	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới
54	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai
55	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác
56	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ
57	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược
58	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp
59	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu
60	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ
61	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress
62	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
63	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh
64	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V
65	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
66	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi
67	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
68	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng
69	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực
70	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình
71	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực
72	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang
73	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn
74	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc

Số TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
75	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp
76	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp
77	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng
78	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai
79	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy
80	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt
81	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
82	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa
83	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt
84	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh
85	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh
86	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón
87	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng
88	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật
89	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì
90	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não
91	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
92	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật
93	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng cánh tay cổ
94	Xoa bóp bấm huyệt điều trị loạn trương lực cơ
95	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sa trực tràng
96	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sa dạ dày
97	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thất ngôn

Số TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
98	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi
99	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh sọ não
TẬP HUẤN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT	
100	Luật khám chữa bệnh
101	Quy chế chuyên môn
102	Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ Y tế Quy định về Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế
103	Các văn bản pháp luật khác

Phụ lục 4
KHUNG NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
CẤP CỨU VIÊN NGOẠI VIỆN (6 THÁNG)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-YTCL ngày tháng 7 năm 2024)

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	THỜI GIAN THỰC HÀNH	ĐƠN VỊ HƯỚNG DẪN
CHUYÊN KHOA CẤP CỨU - HỒI SỨC CẤP CỨU			
1	Đánh giá, phân loại bệnh nhân	6 tháng	Khoa CC-HSTC-CD
2	Ngừng cấp cứu, xác nhận tử vong		
3	Sử dụng liên lạc trước, trong bệnh viện		
4	Điện tim thường 12 chuyển đạo		
5	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp		
6	Ép tim ngoài lồng ngực		
7	Nghiệm pháp dây thắt		
8	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên		
9	Xử trí hạ huyết áp tư thế		
10	Cầm máu (vết thương chảy máu)		
11	Cấp cứu cao huyết áp		
12	Cấp cứu tụt huyết áp		
13	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm		
14	Ghi điện tim cấp cứu tại giường		
15	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ		
16	Chăm sóc ống nội khí quản		
17	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi		
18	Chọc dò dịch màng phổi		

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	THỜI GIAN THỰC HÀNH	ĐƠN VỊ HƯỚNG DẪN
19	Chọc hút khí màng phổi		
20	Đặt ống nội khí quản		
21	Sơ cứu bỏng		
22	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)		
23	Cấp cứu ngừng thở		
24	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản		
25	Đặt ống thông dạ dày		
26	Đặt ống thông hậu môn		
27	Rửa dạ dày cấp cứu		
28	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín		
29	Thông tiểu		
30	Rửa bàng quang		
31	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản		
32	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt		
33	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn		
34	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương		
35	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng		
36	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm		
37	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh		
38	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt		
39	Nắn sai khớp thái dương hàm		
40	Khâu vết thương phần mềm đầu cổ		

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	THỜI GIAN THỰC HÀNH	ĐƠN VỊ HƯỚNG DẪN
41	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm		
42	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm		
43	Nẹp bột các loại, không nắn		
44	Chọc dịch màng bụng		
45	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu		
46	Đo thị lực		
47	Khám mắt		
48	Lấy dị vật họng miệng		
TẬP HUẤN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT			
49	Luật khám chữa bệnh	20 tiết (Trong thời gian thực hành 12 tháng)	Các phòng chức năng có liên quan
50	Quy chế chuyên môn		
51	Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ Y tế Quy định về Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế		
52	Các văn bản pháp luật khác		

Phụ lục 5
KHUNG NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
KỸ THUẬT Y VỚI PHẠM VI HÌNH ẢNH Y HỌC (06 THÁNG)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-YTCL ngày tháng 7 năm 2024)

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	THỜI GIAN HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH	ĐƠN VỊ HƯỚNG DẪN
CHUYÊN NGÀNH HỒI SỨC CẤP CỨU			
1	Xử trí Phản vệ	01 tháng	Khoa Hồi sức Cấp cứu
2	Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch		
3	Kỹ thuật tiêm khớp		
4	Các kỹ thuật dẫn lưu (ổ bụng, dạ dày...)		
CHUYÊN NGÀNH HÌNH ẢNH Y HỌC			
5	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	05 tháng	Khoa Xét nghiệm Chẩn đoán hình ảnh
6	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng		
7	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao		
8	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến		
9	Chụp Xquang hóc mắt thẳng nghiêng		
10	Chụp Xquang Blondeau		
11	Chụp Xquang Hirtz		
12	Chụp Xquang hàm chéch một bên		
13	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến		
14	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng		
15	Chụp Xquang Chausse III		
16	Chụp Xquang Schuller		
17	Chụp Xquang Stenvers		

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	THỜI GIAN HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH	ĐƠN VỊ HƯỚNG DẪN
18	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	05 tháng	Khoa Xét nghiệm Chẩn đoán hình ảnh
19	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)		
20	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)		
21	Chụp Xquang răng toàn cảnh		
22	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)		
23	Chụp Xquang mỏm trâm		
24	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng		
25	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên		
26	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế		
27	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2		
28	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch		
29	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng		
30	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên		
31	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng		
32	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập uốn		
33	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze		
34	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng		
35	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên		
36	Chụp Xquang khung chậu thẳng		

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	THỜI GIAN HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH	ĐƠN VỊ HƯỚNG DẪN
37	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chệch		
38	Chụp Xquang khớp vai thẳng		
39	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chệch		
40	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng		
41	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng		
42	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chệch		
43	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)		
44	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng		
45	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chệch		
46	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chệch		
47	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên		
48	Chụp Xquang khớp háng nghiêng		
49	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng		
50	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chệch		
51	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè		
52	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng		
53	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chệch		
54	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chệch		

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	THỜI GIAN HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH	ĐƠN VỊ HƯỚNG DẪN
55	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng		
56	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng		
57	Chụp Xquang ngực thẳng		
58	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên		
59	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng		
60	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch		
61	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn		
62	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng		
63	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng		
64	Chụp Xquang hệ tiết niệu không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng		
65	Chụp Xquang tuyến vú		
66	Chụp Xquang tại giường		
67	Chụp Xquang tại phòng mổ		
68	Chụp Xquang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)		
TẬP HUẤN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT			
69	Luật khám chữa bệnh		
70	Quy chế chuyên môn		
71	Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ Y tế Quy định về Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế	20 tiết (Trong thời gian thực hành 12 tháng)	Các phòng chức năng có liên quan

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	THỜI GIAN HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH	ĐƠN VỊ HƯỚNG DẪN
72	Các văn bản pháp luật khác		

Phụ lục 6
KHUNG NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
KỸ THUẬT Y VỚI PHẠM VI XÉT NGHIỆM Y HỌC (06 THÁNG)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-YTCL ngày tháng 7 năm 2024)

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	THỜI GIAN HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH	ĐƠN VỊ HƯỚNG DẪN
CHUYÊN NGÀNH CẤP CỨU HỒI SỨC			
1	Nghiệm pháp dây thắt	01 tháng	Khoa Hồi sức Cấp cứu
2	Nghiệm pháp đông máu 20 phút tại giường		
3	Thủ thuật chọc hút tủy (kim chọc tủy)		
4	Thủ thuật chọc hút dịch làm tế bào học		
5	Truyền máu tại giường bệnh		
6	Định nhóm máu tại giường trước truyền máu		
7	Chăm sóc catheter cố định		
CHUYÊN NGÀNH XÉT NGHIỆM Y HỌC			
8	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	5 tháng	Khoa Xét nghiệm Chẩn đoán hình ảnh
9	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động		
10	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) phương pháp thủ công		
11	Xét nghiệm nhanh INR (Có thể kèm theo cả chỉ số PT%, PTs) bằng máy cầm tay		

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	THỜI GIAN HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH	ĐƠN VỊ HƯỚNG DẪN
12	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động		
13	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.		
14	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) phương pháp thủ công		
15	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động		
16	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động		
17	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) phương pháp thủ công		
18	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động		
19	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động		
20	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động		
21	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I),		

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	THỜI GIAN HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH	ĐƠN VỊ HƯỚNG DẪN
	phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động		
22	Nghiệm pháp dây thắt		
23	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)		
24	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)		
25	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)		
26	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)		
27	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)		
28	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)		
29	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)		
30	Định nhóm máu ABO		
31	Các xét nghiệm định lượng Miễn dịch		
32	Các kỹ thuật xét nghiệm Hóa sinh		
33	Các kỹ thuật xét nghiệm Vi sinh - Ký sinh trùng		
34	Định lượng Hepatitis virus		
TẬP HUẤN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT			
35	Luật khám chữa bệnh	20 tiết (Trong thời gian thực hành 12 tháng)	Các phòng chức năng có liên quan
36	Quy chế chuyên môn		
37	Thông tư số 07/2014/TT-BYT		

Số TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	THỜI GIAN HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH	ĐƠN VỊ HƯỚNG DẪN
	ngày 25/02/2014 của Bộ Y tế Quy định về Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế		
38	Các văn bản pháp luật khác		

Phụ lục 7
KHUNG NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
ĐIỀU DƯỠNG (06 THÁNG)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-YTCL ngày tháng 7 năm 2024)

Thời gian thực hành: 06 tháng trong đó:

- 05 tháng tại các Khoa lâm sàng (Nội dung chuyên ngành Điều dưỡng)
- 01 tháng tại khoa CC-HSTC-CĐ (Nội dung Hồi sức - Cấp cứu)

TT	NỘI DUNG
I	ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ HÀNH NGHỀ ĐIỀU DƯỠNG
1	Giới thiệu tổ chức, quy định của bệnh viện tổ chức đào tạo.
2	Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam
3	Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng Việt Nam
II	AN TOÀN NGƯỜI BỆNH
1	Áp dụng phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh
2	Hướng dẫn Tiêm an toàn
III	KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN VÀ CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH Người hành nghề được phép thực hiện các kỹ thuật tại Phụ lục XII - Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của người hành nghề là điều dưỡng ban hành kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 về quy định chi tiết một số Điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.
1	Đón tiếp người bệnh, chuyển viện, xuất viện
2	Áp dụng quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh
3	Theo dõi dấu hiệu sinh tồn
4	Đánh giá huyết áp
5	Đánh giá mạch
6	Đánh giá nhịp thở
7	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui
8	Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm (Máu, đờm, phân, nước tiểu)
9	Kỹ thuật lấy nước tiểu 24h

10	Kỹ thuật lấy nước tiểu ở người bệnh có đặt dẫn lưu nước tiểu
11	Kỹ thuật lấy nước tiểu thường quy
12	Kỹ thuật lấy phân xét nghiệm
13	Chăm sóc giảm đau
14	Đánh giá độ đau bằng các thang điểm
15	Liệu pháp giảm đau không dùng thuốc
16	Thực hành dùng thuốc cho người bệnh
17	Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc
18	Kỹ thuật thực hiện bôi thuốc ngoài da
19	Kỹ thuật thực hiện thuốc qua niêm mạc: mắt hoặc mũi hoặc miệng hoặc tai
20	Kỹ thuật truyền dịch, truyền máu
21	Truyền dịch thường qui
22	Truyền dịch trong sóc
23	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu
24	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui
25	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú)
26	Truyền máu trong sóc
27	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
28	Lưu kim luồn tĩnh mạch để tiêm thuốc
29	Dự phòng và chăm sóc loét tỳ đè cho người bệnh
30	Kỹ thuật xoay chuyển bệnh nhân dự phòng loét tỳ đè
31	Kỹ thuật xử trí loét do đè ép độ I, độ II
32	Chăm sóc bài tiết
IV	QUẢN LÝ CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH
1	Quy định về ghi chép quản lý hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc

2	Sử dụng và quản lý các máy y tế: Monitor, máy truyền dịch, máy bơm tiêm điện, máy điện tim,...
3	Quản lý thuốc và vật tư tiêu hao y tế
V	SƠ CỨU CẤP CỨU
1	Đánh giá người bệnh hôn mê dựa vào thang điểm Glasgow
2	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)
3	Cấp cứu ngừng tim
4	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
5	Cấp cứu ngừng thở
6	Chăm sóc bệnh nhân thở máy
7	Đặt ống nội khí quản*
8	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ
9	Kỹ thuật truyền thuốc qua máy bơm tiêm điện
10	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu*
11	Phòng và xử trí phản vệ
VI	GIAO TIẾP, GIÁO DỤC SỨC KHỎE
1	Kỹ năng giao tiếp trong chăm sóc người bệnh
2	Kỹ năng truyền thông tư vấn giáo dục sức khỏe.
VII	TẬP HUẤN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT
1	Luật khám chữa bệnh
2	Quy chế chuyên môn
3	Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ Y tế Quy định về Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế
4	Các văn bản pháp luật khác

Ghi chú: Kỹ thuật đánh dấu "*": Kỹ thuật điều dưỡng có văn bằng chuyên khoa đō hoặc điều dưỡng trình độ đại học trở lên được đào tạo bổ sung kỹ thuật chuyên môn đō được thực hiện và/hoặc chỉ định kỹ thuật.

Phụ lục 8
KHUNG NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH
HỘ SINH (06 THÁNG)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-YTCL ngày tháng 7 năm 2024)

Thời gian thực hành: 06 tháng trong đó:

- 05 tháng tại khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản (Nội dung chuyên ngành Hộ sinh)
- 01 tháng tại khoa CC-HSTC-CĐ (Nội dung Hồi sức - Cấp cứu)

TT	NỘI DUNG
I	ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ HÀNH NGHỀ HỘ SINH
1	Giới thiệu tổ chức, quy định của bệnh viện tổ chức đào tạo.
2	Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt Nam
3	Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng Việt Nam
II	AN TOÀN NGƯỜI BỆNH
1	Áp dụng phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh
2	Hướng dẫn Tiêm an toàn
III	KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN VÀ CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH Người hành nghề có văn bằng chuyên môn là hộ sinh được phép thực hiện các kỹ thuật không đánh dấu "*" thuộc mục I. Chương chung và các kỹ thuật đánh dấu "+" của Phụ lục XII - Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của người hành nghề là điều dưỡng ban hành kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 về quy định chi tiết một số Điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.
1	Đón tiếp người bệnh, chuyển viện, xuất viện
2	Áp dụng quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh
3	Tư vấn trong chăm sóc sức khỏe sinh sản
4	Trước sinh
5	Khám thai
6	Kỹ thuật theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa *
7	Kỹ thuật cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung đường âm đạo *
8	Chăm sóc, theo dõi thai phụ mắc bệnh truyền nhiễm

9	Chăm sóc, theo dõi thai phụ bệnh lý
10	Chăm sóc, chuẩn bị bệnh trước phẫu thuật sản, phụ khoa
11	Xử trí ban đầu người bệnh có bệnh lý về sản khoa
12	Hướng dẫn lăn bóng xoa dịu cơn đau chuyển dạ
13	Trong sinh
14	Khám, xác định và theo dõi các giai đoạn của chuyển dạ
15	Chăm sóc, theo dõi sản phụ chuyển dạ đẻ
16	Theo dõi và truyền oxytocin trong chuyển dạ
17	Theo dõi gây chuyển dạ bằng thuốc
18	Xử trí ban đầu các trường hợp bất thường trong chuyển dạ
19	Xử trí sa dây rốn
20	Kỹ thuật tách màng ối
21	Kỹ thuật bấm ối
22	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm
23	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
24	Đỡ đẻ ngôi mông *
25	Đỡ đẻ thường trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng; HIV-AIDS ...)
26	Đỡ đẻ rơi
27	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ
28	Xử trí ban đầu những trường hợp bất thường trong đẻ
29	Thực hiện nghiệm pháp bong rốn, đỡ rốn, kiểm tra bánh rốn
30	Kiểm soát tử cung *
31	Bóc rốn nhân tạo *
32	Cắt và khâu tầng sinh môn

33	Đón bé sau mổ
34	Theo dõi sản phụ đặt bóng gây chuyển dạ - bóng kéo
35	Theo dõi sản phụ đặt bóng gây chuyển dạ - bóng Cook
36	Kỹ thuật da kề da (ngay sau đẻ, mổ đẻ)
37	Chèn gạc âm đạo cầm máu
38	Xử trí ban đầu băng huyết sau sinh đường âm đạo
39	Khâu phục hồi rách âm đạo, tầng sinh môn độ 1, 2,
40	Khâu phục hồi rách âm hộ
41	Xử trí vết rách cổ tử cung đơn thuần *
42	Cặp, kéo cổ tử cung cầm máu sau đẻ; sau sảy; sau nạo
43	Lấy khối máu tụ âm đạo; tầng sinh môn với kích thước < 2x3 cm
44	Theo dõi đặt bóng chèn lòng tử cung để cầm máu
45	Chăm sóc và theo dõi người bệnh sau phẫu thuật truyền nhiễm
46	Chăm sóc, theo dõi bà mẹ ngày đầu sau đẻ
47	Chăm sóc, theo dõi bà mẹ tuần đầu sau đẻ
48	Xoa bóp vú thông tuyến sữa sau sinh
49	Chăm sóc, theo dõi vết khâu tầng sinh môn sau đẻ
50	Làm thuốc âm hộ; âm đạo sau đẻ
51	Làm thuốc tầng sinh môn sau đẻ
52	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
53	Chích áp xe tầng sinh môn
54	Ép tử cung bằng tay (2 tay ngoài, 1 tay ngoài 1 tay trong âm đạo) để cầm máu sau sinh
55	Nong cổ tử cung do bế sản dịch
56	Hút buồng tử cung bằng bơm hút chân không để điều trị chảy máu muộn thời kỳ sau đẻ *

57	Khám phụ khoa
58	Xử trí ban đầu cấp cứu phụ khoa
59	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân trước thủ thuật sản phụ khoa
60	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân sau thủ thuật sản phụ khoa
61	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân trước phẫu thuật sản, phụ khoa
62	Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau phẫu thuật sản, phụ khoa
63	Chăm sóc và theo dõi người bệnh trước phẫu thuật bệnh lý
64	Chăm sóc và theo dõi người bệnh sau phẫu thuật bệnh lý
65	Chăm sóc, theo dõi người bệnh rò bàng quang - âm đạo
66	Chăm sóc, theo dõi thai phụ bệnh lý
67	Chăm sóc, theo dõi người bệnh chữa ngoài tử cung
68	Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau nạo thai trứng
69	Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau mổ cắt vú
70	Hướng dẫn , tư vấn về dinh dưỡng phù hợp cho người bệnh sản phụ khoa
71	Khám vú cho phụ nữ
72	Lấy dị vật âm đạo
73	Kỹ thuật chăm sóc hậu môn, sinh dục
74	Kỹ thuật thực hiện thuốc qua niêm mạc âm đạo
75	Lấy bệnh phẩm để xét nghiệm tế bào học âm đạo, cổ tử cung
76	Lấy bệnh phẩm âm đạo, cổ tử cung để xét nghiệm HPV
77	Lấy bệnh phẩm để xét nghiệm vi khuẩn, vi nấm, Trichomonas nhuộm soi và phân tích tự động hỗ trợ chẩn đoán viêm âm đạo
78	Đặt thuốc trong điều trị viêm âm hộ, âm đạo, cổ tử cung
79	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không
80	Cấy hoặc tháo thuốc tránh thai (một nang; nhiều nang) (theo chỉ định)

81	Đặt dụng cụ tử cung
82	Tháo dụng cụ tử cung
83	Theo dõi, chăm sóc người bệnh phá thai nội khoa
84	Chăm sóc và theo dõi người bệnh hỗ trợ sinh sản
85	Chăm sóc và theo dõi người bệnh sau các thủ thuật hỗ trợ sinh sản
86	Chăm sóc người bệnh quá kích buồng trứng
87	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh
88	Khám phát hiện di tật ngoài trẻ sơ sinh
89	Khám sàng lọc toàn thân cho trẻ sơ sinh để phát hiện những dấu hiệu bất thường của trẻ
90	Chăm sóc rốn sơ sinh
91	Chăm sóc rốn sơ sinh nhiễm khuẩn
92	Lấy máu gót chân sơ sinh
93	Xóa bóp thư giãn cho trẻ sơ sinh
94	Tắm trẻ sơ sinh
95	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh ngay sau đẻ
96	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh ngày đầu sau đẻ
97	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh tuần đầu sau đẻ
98	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh
99	Cho trẻ ăn qua sonde dạ dày
100	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh nằm lồng ấp
101	Đặt sonde hậu môn trẻ sơ sinh
102	Hồi sức trẻ sơ sinh ngạt sau sinh
103	Cấp cứu sặc sữa
104	Xử trí ban đầu dị vật đường thở trẻ sơ sinh

105	Xử trí ban đầu hạ thân nhiệt ở trẻ sơ sinh
106	Xử trí ban đầu hạ đường huyết ở trẻ sơ sinh
107	Xử trí chảy máu rốn
108	Chăm sóc theo dõi trẻ sơ sinh có mẹ có bệnh truyền nhiễm
109	Chăm sóc, theo dõi trẻ sơ sinh có mẹ bệnh lý
110	Cố định tạm thời gãy xương trẻ sơ sinh
111	Chăm sóc trẻ sơ sinh được chiếu đèn điều trị vàng da
112	Chăm sóc, theo dõi trẻ sơ sinh bằng phương pháp Căng gu ru
113	Chăm sóc trẻ sơ sinh hạ thân nhiệt chỉ huy
114	Tiêm chủng và theo dõi, chăm sóc sau tiêm chủng
IV	QUẢN LÝ CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH
1	Quy định về ghi chép quản lý hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc
2	Sử dụng và quản lý các máy y tế: Monitor, máy truyền dịch, máy bơm tiêm điện, máy điện tim,...
3	Quản lý thuốc và vật tư tiêu hao y tế
V	SƠ CỨU CẤP CỨU
1	Đánh giá người bệnh hôn mê dựa vào thang điểm Glasgow
2	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)
3	Cấp cứu ngừng tim
4	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
5	Cấp cứu ngừng thở
6	Chăm sóc bệnh nhân thở máy
7	Đặt ống nội khí quản*
8	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ
9	Kỹ thuật truyền thuốc qua máy bơm tiêm điện

10	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu*
11	Phòng và xử trí phản vệ
VI	GIAO TIẾP, GIÁO DỤC SỨC KHỎE
1	Kỹ năng giao tiếp trong chăm sóc người bệnh
2	Kỹ năng truyền thông tư vấn giáo dục sức khỏe.
VII	TẬP HUẤN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT
1	Luật khám chữa bệnh
2	Quy chế chuyên môn
3	Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ Y tế Quy định về Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế
4	Các văn bản pháp luật khác